

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN, ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP
(Tính đến 31/8/2025)

Tiêu chí	Thực hiện	
	Tổng số đảng viên	Số lượng đảng viên mới kết nạp
1	2	3
I. Tổng số	31	
Trong đó: - Nữ	15	
- Dự bị		
- Dân tộc thiểu số		
- Người theo tôn giáo		
- Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		
- Chủ doanh nghiệp tư nhân		
- Quản chúng vi phạm chính sách KHHGD		
- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài		
- Kết nạp lại		
- Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt Đảng		
Trong đó: Do tuổi cao, sức khoẻ yếu		
II. Phân tích đảng viên mới kết nạp		
1. Nghề nghiệp		
a. Đảng viên đang làm việc và công tác		
- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước	27	
- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội		
- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)		
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	4	
- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:		
+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp		
+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất		
+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất		
- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp		
- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội		
- Sĩ quan, chiến sỹ công an		
- Sinh viên		

Tiêu chí	Thực hiện	
	Tổng số đảng viên	Số lượng đảng viên mới kết nạp
1	2	3
- Học sinh		
- Khác (lao động hợp đồng, tự do,...)		
b. Đảng viên đã nghỉ hưu và nghỉ công tác		
2. Tuổi đời:		
- Từ 18 - 30 tuổi	2	
- Từ 31 - 35 tuổi	4	
- Từ 36 - 40 tuổi	11	
- Từ 41 - 45 tuổi	7	
- Từ 46 - 50 tuổi	6	
- Từ 51 - 55 tuổi	1	
- Từ 56 - 60 tuổi		
- Trên 60 tuổi		
- Tuổi bình quân		
3. Thời gian kết nạp vào Đảng		
- Trước 19/8/1945		
- Từ 19/8/1945 - 20/7/1954		
- Từ 21/7/1954 - 30/4/1975		
- Từ 01/5/1975 đến nay	31	
4. Trình độ giáo dục phổ thông		
- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ		
- Tiểu học		
- Trung học cơ sở		
- Trung học phổ thông	31	
5. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
- Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp		
- Trung cấp	2	
- Cao đẳng		
- Đại học	26	
- Thạc sỹ	3	
- Tiến sỹ		
6. Chức danh khoa học		
- Phó Giáo sư		
- Giáo sư		
7. Trình độ lý luận chính trị		

Tiêu chí	Thực hiện	
	Tổng số đảng viên	Số lượng đảng viên mới kết nạp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
- Sơ cấp	3	
- Trung cấp	24	
- Cao cấp, cử nhân	2	
III. Khai trừ		
IV. Xoá tên, trong đó:		
- Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng		
- Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự huỷ thẻ đảng viên		
- Đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau 12 tháng phấn đấu không tiến bộ		
- Đảng viên 02 năm liên vi phạm tư cách đảng viên		
- Đảng viên không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị		
IV. Xin ra khỏi Đảng, trong đó:		
- Cán bộ, công chức		
- Học sinh, sinh viên		
- Bộ đội xuất ngũ		
- Đối tượng khác		